TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁP MƯỜI** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2019/DS-ST
Ngày: 29 -11-2019
V/v Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP

- TH phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Thanh.

Ông Lê Văn Vững.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Sang - Kiểm sát viên.

Các ngày 18, 25, 29/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 234/2018/TLST - DS ngày 04 tháng 6 năm 2018, về việc "Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 236/2019/QĐST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trần Thị T sinh năm: 1950

Địa chỉ: Khóm 4, TT MA, huyện TM, Đồng Tháp.

Ủy quyền: Võ Thị Kim L sinh năm: 1970

Địa chỉ: Ấp MTB, xã MA, huyện TM, Đồng Tháp.

- Bị đơn: Trần Thị Y sinh năm: 1967

Trần Công TH sinh năm: 1968

Cùng địa chỉ: Ấp MT, xã PĐ, huyện TM, Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Thị Ngọc E sinh năm: 1972

Trần Thị Thúy B sinh năm: 1993

Trần Văn Đ sinh năm: 1997

Nguyễn Văn C sinh năm: 1967

Nguyễn Văn H sinh năm: 1988

Cùng địa chỉ: Ấp MT, xã PĐ, huyện TM, Đồng Tháp.

Ủy ban nhân dân huyện Tháp Mười

Đại diện: Ông Đinh Minh D; Chức vụ: Chủ tịch.

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

(Chị L được bà T ủy quyền, bà Y, ông TH có mặt phiên tòa; bà E vắng mặt phiên tòa ngày 25, 29/11/2019; Thúy B, Đ ủy quyền cho ông TH; Ông C, H ủy quyền cho bà Y; Ủy ban Huyện có văn bản xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Trần Thị T ủy quyền chị Võ Thị Kim L trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông nội bà T tên Trần Văn Độ (chết) cho lại cha mẹ bà T tên Trần Văn Dưỡng, Lê Thị Sáu (chết) tổng diện tích 33.249 m^2, tọa lạc ấp Mỹ Tân, xã Phú Điền, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Cha bà T canh tác đến năm 1966 thì chết, mẹ bà T được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được UBND huyện Tháp Mười cấp năm 1993 gồm các thửa 419, 1025, 420, 426, 421, 422, 423, 280, 269.

Trong quá trình chung sống cha mẹ bà T có 02 người con là Trần Thị T, Trần Thị Y. Năm 1966, cha bà T chết, năm 1967, mẹ bà T lấy chồng khác và sinh ra một người con trai là Trần Công TH. Từ ngày lập gia đình mới tất cả tài sản của cha bà T để lại do mẹ bà T canh tác.

Năm 2007, mẹ bà T cho Trần Thị Y diện tích 7.258 m^2 thửa 423, tờ bản đồ số 1, tọa lạc Ấp Mỹ Tân, xã Phú Điền, huyện Tháp Mười. Trong thời gian chung sống với cha của ông TH thì mẹ bà T có chuyển nhượng nhiều thửa đất để sinh sống và cho ông TH diện tích đất 7.500m^2.

Năm 2008, mẹ bà T cho bà T diện tích 5.049 m^2 thửa 419; 420 do bà Lê Thị Sáu đứng tên, nhưng chưa chuyển nhượng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lý do mẹ già yếu và chết ngày13/4/2009 chưa kịp sang tên.

Năm 2009, bà T cho em là Trần Thị Y mướn phần đất mẹ cho (một mùa lúa, có làm hợp đồng), sau đó Y trả lại cho bà T canh tác.

Đến năm 2016, bà T cho em là Trần Công TH mướn đất để làm (có hợp đồng).

Nay phần đất này do bà T sử dụng nhưng đến ngày 21/6/2018, thì ông TH, bà Y vào xạ lúa trên phần đất tranh chấp.

Bà Y và ông TH không đồng ý ký tên cho bà T thừa kế quyền sử dụng đất nên bà T làm đơn thưa ở chính quyền địa phương giải quyết không TH.

Sau khi xem xét thẩm định tại chỗ diện tích đo đạc thực tế 5.884,4m^2 (gồm các thửa 419 diện tích 2.612m^2, thửa 420 diện tích 2.437m^2, thửa 1025 diện tích 875m^2).

Nay bà T ủy quyền chị L yêu cầu bà Y, ông TH chia thừa kế, bà yêu cầu được hưởng phần diện tích 5.884,4m^2 gồm các thửa 419, 420 và 1025, tờ bản đồ số 01; đất tọa lạc ấp Mỹ Tân, xã Phú Điền, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp. Và không đồng ý theo yêu cầu của ông TH, bà Y.

Bà Trần Thị Y trình bày: Cha là ông Trần Văn Dưỡng chết năm 1966, mẹ là Lê Thị Sáu chết năm 2009, mẹ có 3 người con Trần Thị T, Trần Thị Y, Trần Công TH.

Năm 1966 cha bà mất, tất cả quyền sử dụng đất chuyển lại cho mẹ là bà Lê Thị Sáu đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đến năm 2009, mẹ bà chết, lúc này tài sản của mẹ bà còn để lại diện tích 5.884,4m^2 (gồm thửa 419, tờ bản đồ số 01, diện tích 2.612 m^2; thửa 420, tờ bản đồ số 01, diện tích 2.437m^2, thửa 1025 diện tích 875m^2) do bà Lê Thị Sáu đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp lộ Phú Điền; Phía Tây giáp đất ông Phạm Văn Minh; Phía Nam giáp Tám Cảnh; Phía Bắc giáp ông Phan Văn Thắng.

Hiện nay, bà đang sử dụng một phần đất trên và ông TH canh tác một phần và một phần diện tích để trống. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà T đang cất giữ. Phần tài sản của mẹ bà để lại cho 3 chị em bà chứ không phải của bà T.

Nay bà không đồng ý theo yêu cầu bà T, vì đất trên là của 3 người, bà yêu cầu được chia thừa kế đất của mẹ để lại 5.884,4 m^2, bà yêu cầu được nhận diện tích 1.961,3 m^2, thửa 419, 420, 1025 tờ bản đồ số 01, tọa lạc ấp Mỹ Tân, xã Phú Điền, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

Ông Trần Văn TH trình bày: Cha là ông Trần Văn Dưỡng chết năm 1966, mẹ là Lê Thị Sáu chết năm 2009, mẹ có 3 người con Trần Thị T, Trần Thị Y, Trần Công TH.

Năm 1966, cha ông mất, tất cả quyền sử dụng đất chuyển lại cho mẹ ông là bà Lê Thị Sáu đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đến năm 2009, mẹ ông chết, lúc này tài sản của mẹ ông còn để lại diện tích 5.884,4m^2 (gồm thửa 419, tờ bản đồ số 01, diện tích 2.612 m^2; thửa 420, tờ bản đồ số

01, diện tích 2.437m^2, thửa 1025 diện tích 875m^2) do bà Lê Thị Sáu đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp lộ Phú Điền; Phía Tây giáp đất ông Phạm Văn Minh; Phía Nam giáp Tám Cảnh; Phía bắc giáp ông Phan Văn Thắng.

Hiện nay ông đang sử dụng một phần đất trên và bà Y canh tác một phần và một phần diện tích để trống. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà T đang cất giữ. Phần tài sản của mẹ ông để lại cho 3 chị em ông chứ không phải của bà T.

Nay ông không đồng ý theo yêu cầu bà T, vì đất trên là của 3 người, ông yêu cầu được chia thừa kế phần đất của mẹ để lại 5.884,4 m^2, ông yêu cầu được nhận diện tích 1.961,3 m^2 thửa 419, thửa 420, tờ bản đồ số 01, tọa lạc ấp Mỹ Tân, xã Phú Điền, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 71, 73, 234 Bộ luật tố tụng dân sự và những quy định khác của pháp luật.

Về nội dung: Chấp nhận một phần yêu cầu của bà T, chấp nhận một phần yêu cầu của ông TH và chấp nhận yêu cầu của bà Y về chia thừa kế theo pháp luật diện tích 5.884,4m^2.

Bà T được hưởng diện tích 2.615,6m^2 ; Bà Y được hưởng diện tích 1.961,3m^2; Ông TH được hưởng diện tích 1.307,6m^2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Theo đơn khởi kiện ghi ngày 13/4/2018, Đơn khởi kiện bổ sung ghi ngày 19/11/2018 của bà Trần Thị T và đơn khởi kiện của bà Trần Thị Y ghi ngày 13/11/2018; Đơn khởi kiện của ông Trần Công TH ghi ngày 19/11/2018 là quan hệ tranh chấp về dân sự Tộc thẩm quyền giải của Tòa án quy định tại khoản 9 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Nguồn gốc đất thửa 419, 420 tờ bản đồ số 01, đất lúa, tọa lạc ấp Mỹ Tân, xã Phú Điền, huyện Tháp Mười được cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng vào ngày 11/11/1993 diện tích được cấp 5.049m^2, đo đạc thực tế 5.884,4m^2 của cụ Lê Thị Sáu, lúc cụ Sáu còn sống có 03 người con gồm Trần Thị T, Trần Thị Y, Trần Công TH. Đến ngày 05/4/2009 cụ Sáu chết, sau khi cụ Sáu chết thì bà Trần Thị T sử dụng diện tích đất trên, đến tháng 4/2018, bà T yêu cầu được hưởng thừa kế diện tích đất trên thì bà Y và ông TH không đồng ý nên xảy ra tranh chấp.

[3] Xét yêu cầu tại phiên tòa của bà Trần Thị T ủy quyền chị L yêu cầu bà Y, ông TH chia thừa kế cho bà T được hưởng thừa kế diện tích đo đạc thực tế là 5.884,4m^2 gồm các thửa 419, 420, tờ bản đồ số 01; đất tọa lạc ấp Mỹ Tân, xã Phú Điền, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp và ông TH, bà Y yêu cầu được nhận thừa kế cho mỗi người là diện tích 1.961,3 m^2, thửa 419, 420 tờ bản đồ số 01, tọa lạc ấp Mỹ Tân, xã Phú Điền, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp là có một phần cơ sở vì cụ Lê Thị Sáu và cụ Trần Văn Dưỡng lúc sống chung có 03 người con là Trần Thị T, Trần Thị Y và Trần Văn Hiền (đã chết). Năm 1966, cụ Dưỡng chết thì cụ Sáu qua lại sống với cụ Thọ có 01 người con là Trần Công TH. Năm 1993, cụ Sáu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 33.249m^2 gồm các thửa 419, 1025, 420, 426, 421, 422, 423, 280, 269 tờ bản đồ số 01, đến năm 1999, cụ Sáu chuyển nhượng và cho Trần Công TH gồm các thửa 280, 269, 426, 422. Năm 2005, chuyển nhượng tiếp thửa 421, 1025 và năm 2007, cụ Sáu cho bà Y thửa 423, cụ Sáu còn lại thửa 419, 420. Đến tháng 11/2008, cụ Sáu làm Biên bản phân chia thừa kế giao diện tích 5.049m^2 cho bà Trần Thị T có xác nhận của phó ấp Mỹ Tân và có chữ ký tên của cụ Sáu và bà Trần Thị Y vì trong hộ khẩu của cụ Sáu chỉ có tên cụ Sáu và bà Y và trong thời gian này cụ Sáu sống một mình, các con đã có gia đình và sống riêng, còn đất thì cụ canh tác (bà Y là người canh tác cho cụ Sáu).

[4] Sau khi, cụ Sáu chết thì phần đất ruộng bà T cho bà Y Tê canh tác được một mùa thì bà T lấy lại canh tác và tiếp tục cho Tê, đến năm 2016, 2017 thì cho ông TH Tê đất ruộng, đến năm 2018, thì ông TH, bà Y tự phân chia ra làm 03 phần, bà Y và ông TH canh đất 02 phần đất ruộng, một phần đất chia cho bà T thì bỏ hoang, còn đất ở và lâu năm thì ông TH tự chiếm trồng cây.

[5] Xét thấy, việc phân chia thừa kế của của cụ Sáu theo Biên bản phân chia thừa kế ghi ngày 11/11/2008 là chưa phù hợp vì cụ Sáu có tất cả 03 người con nhưng trong biên bản phân chia do bà T cung cấp thì chỉ có cụ Sáu, bà Y ký tên, còn ông TH, bà T không có ký tên và có bị tẩy xóa tên Trần Công TH.

[6] Mặc khác, bà T cho rằng diện tích đất thửa 419, 420 của cụ Sáu để lại cho bà căn cứ theo biên bản phân chia thừa kế là di chúc của cụ Sáu nên bà được hưởng là không phù hợp với pháp luật được quy định tại Điều 627, 628, 630, 631 và 634 Bộ luật dân sự. Do đó, Biên bản phân chia thừa kế ngày 11/11/2008

của cụ Lê Thị Sáu không được chấp nhận nên di sản của cụ Sáu được chia theo pháp luật.

[7] Đối với, di sản để lại của cụ Sáu và cụ Dưỡng nhưng cụ Dưỡng đã chết từ năm 1966 đến nay các bên thống nhất chưa phân chia di sản.

[8] Tại phiên tòa hôm nay bà Y, chị L được bà T ủy quyền, ông TH cũng xác định di sản của cụ Dưỡng và cụ Sáu.

[9] Đối với, cụ Thọ cũng thống nhất cụ và cụ Sáu sống chung qua lại chỉ có con là ông TH nhưng ông TH cũng lấy họ của cụ Dưỡng chứ không có lấy họ của cụ Thọ, tài sản gồm đất, nhà là của cụ Dưỡng và cụ Sáu.

Ngoài ra, lúc cụ Sáu còn sống diện tích đất thửa 419, 420 cụ Sáu canh tác và bà Y là người trực tiếp trông coi cho cụ Sáu và cùng hộ khẩu với cụ.

Từ khi, cụ Sáu chết thì nhà cụ Sáu bỏ không ai ở, đến khi các con cụ Sáu thống nhất chia ra mỗi người con thờ cúng 01 người thì bà Y thờ cúng cụ Sáu, bà T thờ cúng cụ Dưỡng và ông TH thờ cúng ông Hiền (là anh trai).

Đến năm 2018, xảy ra tranh chấp và đến nay thì các bên cũng thống nhất giữ nguyên việc thờ cúng.

[10] Tại phiên tòa hôm nay bà Y thống nhất chỉ yêu cầu được nhận di sản của cụ Sáu, cụ Dưỡng diện tích là 1.961,3m^2, phần còn lại bà đồng ý giao cho bà T là người được nhận thừa kế.

[11] Đối với, diện tích tranh chấp đo đạc thực tế 5.884,4m^2 gồm các thửa 419, 420, 1025, tờ bản đồ số 01, được thể hiện tại mảnh trích đo địa chính số 08 – 2018 ngày 15/10/2018 của Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và đo đạc Bảo Long nhưng xem xét đối chiếu thửa 1025 không còn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ Lê Thị Sáu và theo văn bản đính chính Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và đo đạc Bảo Long diện tích 5.884,4m^2 gồm các thửa 419, 420.

[12] Do đó, xét thấy việc chia di sản của cụ Sáu và cụ Dưỡng cần xem xét đến sử dụng đất được phù hợp nên bà T, bà Y, ông TH được chia như sau:

Tổng diện tích thửa 419, 420 đo đạc thực tế 5.884,4m^2, cụ Dưỡng và cụ Sáu của mỗi người là 2.942,2m^2 (Phần của cụ Dưỡng được chia 3 phần gồm cụ Sáu, bà T, bà Y mỗi phần 980,73m^2); (Phần của cụ Sáu là 3.922,93m^2 chia cho 3 phần gồm bà T, bà Y, ông TH mỗi người là 1.307,64m^2)

Vậy bà T, bà Y mỗi người được hưởng thừa kế là 2.288,37m^2 nhưng bà Y chỉ yêu cầu được hưởng 1.961,3m^2 và phần thừa diện tích 327,07m^2 bà đồng ý giao cho bà T được hưởng. Do đó:

Bà T được sử dụng diện tích: 2.615,44m^2 làm tròn 2.615,5m^2 .

Bà Y được sử dụng diện tích: 1.961,3m^2 .

Ông TH được sử dụng diện tích: 1.307,64m^2 làm tròn 1.307,6m^2.

[13] Do chấp nhận một phần yêu cầu của bà T và ông TH và các đương sự được hưởng thừa kế nên các đương sự phải chịu án phí và chi phí thẩm định, định giá.

[14] Đối với, nhà của cụ Sáu và cây trồng trên đất của cụ Sáu thì bà T, bà Y, ông TH các bên thống nhất không tranh chấp nếu Tòa án xét xử giao đất ở vị trí nào có cây hoặc nhà, mộ thì người đó tiếp tục sử dụng, quản lý không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[15] Đối với, ông TH hiện nay có trồng 6 cây Mai vàng, 04 bụi bông trang, 55 cây mít, ông TH thống nhất nếu Tòa án xét xử giao đất cho bà T hoặc bà Y thì ông sẽ tự di dời hoặc chặt bỏ không yêu cầu giải quyết 6 cây Mai vàng, 04 bụi bông trang, 55 cây mít.

[16] Đối với, bà L được bà T ủy quyền cũng thống nhất bà T có trồng 03 cây dừa, 27 cây mít, 02 cây xoài nếu Tòa án xét xử giao đất cho ông TH hoặc bà Y thì bà T sẽ tự di dời hoặc chặt bỏ, không yêu cầu giải quyết.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện phát biểu về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Và phát biểu về đường lối giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của bà T ủy quyền cho chị L và chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của ông TH và chấp nhận yêu cầu của bà Y. Như đã nhận định ở phần trên. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 630, 634, 650 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Trần Thị T ủy quyền cho chị Võ Thị Kim L.

Bà Trần Thị T được sử dụng diện tích 1.037,8m^2 tại một phần thửa 419 và diện tích 1.577,7m^2 tại một phần thửa 420 tờ bản đồ số 01; Tổng diện tích đất là 2.615,5m^2 ; đất tọa lạc ấp Mỹ Tân, xã Phú Điền, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp (trên đất có bờ tràm 51 cây, giáp với đất ông Út). Có Đông tây tứ cận:

Đông giáp đất ông Nguyễn Văn Đạt ngang 36,06m (Từ Mốc MA – MB – MC – MD – M1’).

Tây giáp kênh Nhất ngang 31,18m (Từ Mốc MM – ML – M4’).

Nam giáp đất bà Y được chia dài 78,89m (có lộ và bờ kênh) (Từ Mốc M4’ – M1’).

Bắc giáp đất ông Phan Văn Út dài 80,45m (có lộ và bờ kênh) (Từ Mốc MM – M8 (trụ đá) – M9 (trụ đá) – MA).

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Y.

Bà Trần Thị Y được sử dụng diện tích 860,8m^2 tại một phần thửa 419 và diện tích 1.100,5m^2 tại một phần thửa 420 tờ bản đồ số 01; Tổng diện tích đất là 1.961,3m^2, đất tọa lạc ấp Mỹ Tân, xã Phú Điền, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp, trên đất có một căn nhà của cụ Sáu diện tích 36,9m^2 (nhà khung cột gỗ, nền đất một phần hành lang lát gạch tàu, vách ván gỗ tạp và vách tre, cửa gỗ tạp, xà gồ gỗ mái tol). Có đông tây tứ cận:

Đông giáp đất ông Nguyễn Văn Đạt ngang 24,55m (Từ Mốc M1’ – ME – MF – MG – M2’).

Tây giáp kênh Nhất ngang 24,58m (Từ Mốc M4’ – MK – M3’).

Nam giáp đất ông TH được chia dài 81,93m (có lộ và bờ kênh) (M3’ - M2’).

Bắc giáp đất bà T được chia dài 78,89m (có lộ và bờ kênh) (Từ Mốc M4’ – M1’).

3. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Trần Công TH.

Ông Trần Công TH được sử dụng diện tích 581,7m^2 tại một phần thửa 419 và diện tích 725,9m^2 tại một phần thửa 420 tờ bản đồ số 01; Tổng diện tích đất là 1.307,6m^2 ; đất tọa lạc ấp Mỹ Tân, xã Phú Điền, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp, trên đất có khuôn mộ diện tích 18,7m^2. Có đông tây tứ cận:

Đông giáp đất ông Nguyễn Văn Đạt ngang 15,88m (Từ Mốc M2’– MH – MI).

Tây giáp kênh Nhất ngang 15,7m (Từ Mốc M3’ – MJ).

Nam giáp đất của ông Trần Công TH 85,82m (có lộ và bờ kênh) (Từ Mốc MJ – M5 (trụ đá) – MI).

Bắc giáp đất bà Y được chia dài 81,93m (có lộ và bờ kênh) (Từ Mốc M3’ – M2’).

Các Mốc gửi của các điểm:

+ Điểm gửi của điểm M1’: Từ điểm M1’ kéo đến góc nhà là 39,85m và từ điểm M1’ kéo đến góc mộ là 39.47m.

+ Điểm gửi của điểm M2’: Từ điểm gửi M2’ kéo đến góc mộ là 12,96m.

+ Điểm gửi của điểm MI: Từ điểm MI kéo đến M4 (trụ đá) là 4,35m.

+ Điểm gửi của điểm MM: Từ điểm MM kéo đến M8 (trụ đá) là 2,21m.

+ Điểm gửi của điểm M4': Từ điểm M4' kéo đến M8 (trụ đá) là 31,6m và từ điểm M4' kéo đến góc nhà bên trái (nhà cụ Sáu) là 14,69m.

+ Điểm gửi của điểm M3': Từ điểm M3' kéo đến cột điện là 8,2m và từ điểm M3' kéo đến góc nhà bên phải (nhà cụ Sáu) là 15,92m.

+ Điểm gửi của điểm MJ: Từ điểm MJ kéo đến M5 (trụ đá) là 4,04m.

(Kèm theo Mảnh trích đo địa chính số 08- 2018 ngày 15/10/2018 và Bổ sung phụ lục mảnh trích đo địa chính số 08- 2018, trích đo hiện trạng thửa đất tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất của bà Trần Thị T, ngày 25/11/2019 của Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và đo đạc Bảo Long).

4. Buộc hộ bà Y (các TH viên trong hộ gồm có ông Tám, anh Thiện) và hộ ông TH (các TH viên trong hộ gồm có bà Em, chị Loan, anh Định) giao đất cho bà T.

5. Buộc ông TH (các TH viên trong hộ gồm có bà Em, chị Loan, anh Định) di dời, chặt bỏ 16 cây Mai vàng, 04 bụi bông trang, 55 cây mít của ông TH trồng ra khỏi phần đất để giao đất cho bà T, bà Y.

6. Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Tháp Mười T hồi diện tích đo đạc thực tế 5.884,4m^2 (diện tích được cấp 5.049m^2) tại thửa 419, 420, tờ bản đồ số 06, giấy chứng nhận được cấp cho Lê Thị Sáu vào ngày 11/11/1993 vào sổ cấp GCN: 01240 QSDĐ/ A6 để cấp lại cho bà Trần Thị T, Trần Thị Y và Trần Công TH.

7. Bà Trần Thị T, bà Trần Thị Y, ông Trần Công TH được đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại quyền sử dụng đất và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

8. Bà T phải chịu chi phí xem xét thẩm định là 2.005.000đ đồng. Bà Y phải chịu chi phí xem xét thẩm định là 1.503.000đồng. Ông TH phải chịu chi phí xem xét thẩm định là 1.002.000đồng, nhưng bà T đã tạm ứng thanh lý hợp đồng xong nên bà Y có nghĩa vụ trả lại cho bà T 1.503.000đồng (Một triệu năm trăm lẻ ba ngàn đồng) và ông TH trả lại cho bà T số tiền 1.002.000đồng (Một triệu không trăm lẻ hai ngàn đồng). Bà T, bà Y, ông TH chịu chi phí định giá đã nộp xong.

9. Về án phí:

9.1. Bà T phải nộp 21.899.000đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 10.550.500đ theo biên lai T số BH/2015 0005318, quyển số 0000107, ngày 11/5/2018 và biên lai T số BH/2017 0003943, quyển số 0000079, ngày 20/11/2018 bà T phải nộp thêm số tiền 11.348.500đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

9.2. Bà Y phải nộp 8.191.175đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.923.000đ theo biên lai T số biên lai T số BH/2017 0003934, quyển số 0000079, ngày 15/11/2018 bà Y phải nộp thêm số tiền 4.268.175đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

9.3. Ông TH phải nộp 8.191.175đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.923.000đ theo biên lai T số biên lai T số BH/2017 0003939, quyển số 0000079, ngày 19/11/2018 ông TH phải nộp thêm số tiền 4.268.175đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

10. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án cấp trên. Đối với, những người vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

11. Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND Tỉnh ĐT;
- VKSND cùng cấp
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.(M)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Mai